

Số: 1008 /2026/BC-SHS

Hà Nội, ngày 05 tháng 10 năm 2026

**BÁO CÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN
GIAO DỊCH KÝ QUỸ**

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam
Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội xin báo cáo Quý Sở **Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ tại SHS -Tháng 9/2026** như sau:

1. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ Sàn HSX tháng 9/2026:

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
1	AAA	GIL	TNI	AAA
2	ACB	KLB		ACB
3	ACG	MHC		ACG
4	ACL	PLP		ACL
5	ADS	STK		ADS
6	AFX	VTB		AFX
7	AGG			AGG
8	AGR			AGR
9	ANT			ANT
10	ANV			ANV
11	ASM			ASM
12	AST			AST
13	BAF			BAF
14	BCM			BCM
15	BFC			BFC
16	BHN			BHN
17	BIC			BIC
18	BID			BID
19	BKG			BKG
20	BMP			BMP
21	BRC			BRC
22	BSI			BSI
23	BSR			BSR
24	BTP			BTP
25	BVH			BVH
26	BWE			BWE

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
27	CDC			CDC
28	CHP			CHP
29	CII			CII
30	CKG			CKG
31	CLC			CLC
32	CLL			CLL
33	CMG			CMG
34	CNG			CNG
35	CRC			CRC
36	CRE			CRE
37	CSM			CSM
38	CSV			CSV
39	CTD			CTD
40	CTF			CTF
41	CTG			CTG
42	CTI			CTI
43	CTR			CTR
44	CTS			CTS
45	CVT			CVT
46	D2D			D2D
47	DBC			DBC
48	DBD			DBD
49	DC4			DC4
50	DCL			DCL
51	DCM			DCM
52	DGW			DGW
53	DHA			DHA
54	DHC			DHC
55	DHG			DHG
56	DIG			DIG
57	DMC			DMC
58	DPG			DPG
59	DPM			DPM
60	DPR			DPR
61	DRC			DRC
62	DRL			DRL
63	DSE			DSE
64	DSN			DSN
65	DVP			DVP
66	DXG			DXG
67	DXS			DXS
68	EIB			EIB
69	ELC			ELC
70	EVF			EVF
71	EVG			EVG
72	FCN			FCN

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
73	FIR			FIR
74	FIT			FIT
75	FMC			FMC
76	FPT			FPT
77	FRT			FRT
78	FTS			FTS
79	GAS			GAS
80	GEE			GEE
81	GEG			GEG
82	GEL			GEL
83	GEX			GEX
84	GHC			GHC
85	GIL			GMD
86	GMD			GSP
87	GSP			GVR
88	GVR			HAG
89	HAG			HAH
90	HAH			HAR
91	HAR			HAX
92	HAX			HCM
93	HCM			HDB
94	HDB			HDC
95	HDC			HDG
96	HDG			HHP
97	HHP			HHS
98	HHS			HHV
99	HHV			HII
100	HII			HMC
101	HMC			HPA
102	HPA			HPG
103	HPG			HPX
104	HPX			HQC
105	HQC			HSG
106	HSG			HSL
107	HSL			HT1
108	HT1			HTG
109	HTG			HTI
110	HTI			HTN
111	HTN			HUB
112	HUB			HVH
113	HVH			IDI
114	IDI			IJC
115	IJC			ILB
116	ILB			IMP
117	IMP			ITC
118	ITC			KBC

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
119	KBC			KDC
120	KDC			KDH
121	KDH			KHG
122	KHG			KHP
123	KHP			KOS
124	KLB			KSB
125	KOS			LBM
126	KSB			LCG
127	LBM			LHG
128	LCG			LIX
129	LHG			LPB
130	LIX			LSS
131	LPB			MBB
132	LSS			MCH
133	MBB			MCM
134	MCH			MIG
135	MCM			MSB
136	MHC			MSH
137	MIG			MSN
138	MSB			MWG
139	MSH			NAB
140	MSN			NAF
141	MWG			NBB
142	NAB			NCT
143	NAF			NHH
144	NBB			NKG
145	NCT			NLG
146	NHH			NNC
147	NKG			NT2
148	NLG			NTC
149	NNC			NTL
150	NT2			NVL
151	NTC			OCB
152	NTL			OPC
153	NVL			ORS
154	OCB			PAC
155	OPC			PAN
156	ORS			PC1
157	PAC			PDN
158	PAN			PDR
159	PC1			PET
160	PDN			PGC
161	PDR			PGD
162	PET			PGI
163	PGC			PHC
164	PGD			PHR

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
165	PGI			PLX
166	PHC			PNJ
167	PHR			POW
168	PLP			PPC
169	PLX			PTB
170	PNJ			PTC
171	POW			PVD
172	PPC			PVP
173	PTB			PVT
174	PTC			QCG
175	PVD			RAL
176	PVP			REE
177	PVT			RYG
178	QCG			SAB
179	RAL			SAM
180	REE			SBA
181	RYG			SBT
182	SAB			SCR
183	SAM			SCS
184	SBA			SGN
185	SBT			SGR
186	SCR			SHB
187	SCS			SHI
188	SGN			SHP
189	SGR			SIP
190	SHB			SJD
191	SHI			SJS
192	SHP			SKG
193	SIP			SMB
194	SJD			SRC
195	SJS			SSB
196	SKG			SSI
197	SMB			STB
198	SRC			SZC
199	SSB			SZL
200	SSI			TAL
201	STB			TBC
202	STK			TCB
203	SZC			TCH
204	SZL			TCI
205	TAL			TCL
206	TBC			TCM
207	TCB			TCO
208	TCH			TCT
209	TCI			TCX
210	TCL			TDC

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
211	TCM			TDM
212	TCO			TDP
213	TCT			TEG
214	TCX			THG
215	TDC			TIP
216	TDM			TLD
217	TDP			TLG
218	TEG			TMP
219	THG			TMS
220	TIP			TN1
221	TLD			TNI
222	TLG			TNT
223	TMP			TPB
224	TMS			TRA
225	TN1			TRC
226	TNT			TTA
227	TPB			TV2
228	TRA			TVB
229	TRC			TVS
230	TTA			VAB
231	TV2			VCB
232	TVB			VCG
233	TVS			VCI
234	VAB			VCK
235	VCB			VDP
236	VCG			VDS
237	VCI			VFG
238	VCK			VGC
239	VDP			VHC
240	VDS			VHM
241	VFG			VIB
242	VGC			VIC
243	VHC			VIP
244	VHM			VIX
245	VIB			VJC
246	VIC			VND
247	VIP			VNL
248	VIX			VNM
249	VJC			VOS
250	VND			VPB
251	VNL			VPI
252	VNM			VPL
253	VOS			VPX
254	VPB			VRC
255	VPI			VRE
256	VPL			VSC

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
257	VPX			VSH
258	VRC			VTO
259	VRE			VTP
260	VSC			VVS
261	VSH			YEG
262	VTB			
263	VTO			
264	VTP			
265	VVS			
266	YEG			

2. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ Sàn HNX tháng 8/2026:

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
1	BAB	LIG		BAB
2	BAX	CDN		BAX
3	BCF	TVC		BCF
4	BVS			BVS
5	C69			C69
6	CAP			CAP
7	CDN			CEO
8	CEO			CLH
9	CLH			CSC
10	CSC			CST
11	CST			CTB
12	CTB			DNP
13	DNP			DP3
14	DP3			DTD
15	DTD			DXP
16	DXP			EVS
17	EVS			GIC
18	GIC			GMX
19	GMX			HJS
20	HJS			HMR
21	HMR			HUT
22	HUT			HVT
23	HVT			IDC
24	IDC			IDV
25	IDV			INN
26	INN			IPA
27	IPA			KSF

(Handwritten signature)

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
28	KSF			KSV
29	KSV			L18
30	L18			L40
31	L40			LAS
32	LAS			LHC
33	LHC			MAC
34	LIG			MBG
35	MAC			MBS
36	MBG			MDC
37	MBS			MST
38	MDC			MVB
39	MST			NAG
40	MVB			NBC
41	NAG			NDN
42	NBC			NET
43	NDN			NFC
44	NET			NTH
45	NFC			NTP
46	NTH			PBP
47	NTP			PCE
48	PBP			PCH
49	PCE			PGS
50	PCH			PLC
51	PGS			PMC
52	PLC			PPT
53	PMC			PSD
54	PPT			PSI
55	PSD			PSW
56	PSI			PVB
57	PSW			PVC
58	PVB			PVG
59	PVC			PVI
60	PVG			PVS
61	PVI			S99
62	PVS			SCG
63	S99			SGC
64	SCG			SJE
65	SGC			SLS
66	SJE			SZB
67	SLS			TA9
68	SZB			TD6
69	TA9			TDT
70	TD6			TFC
71	TDT			TIG
72	TFC			TMB
73	TIG			TNG

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
74	TMB			TPP
75	TNG			TTT
76	TPP			TV4
77	TTT			TVD
78	TV4			VBC
79	TVC			VC3
80	TVD			VC7
81	VBC			VCS
82	VC3			VFS
83	VC7			VGS
84	VCS			VHE
85	VFS			VNF
86	VGS			VNR
87	VHE			VTZ
88	VNF			WCS
89	VNR			
90	VTZ			
91	WCS			

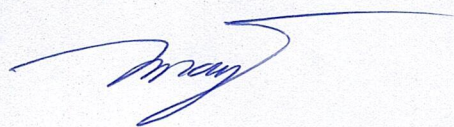
Địa chỉ website đăng tải Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ tại SHS tháng 9/2026 là:

<https://www.shs.com.vn/thong-bao/shs-danh-muc-chung-khoan-thuc-hien-giao-dich-ky-quy-thang-9-2026>

Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của báo cáo này.

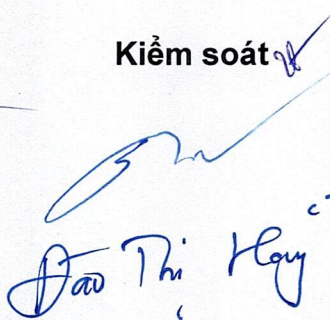
Trân trọng kính báo cáo Quý Sở được biết.

Người lập

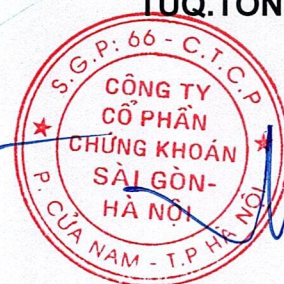


Trần Hồng Mây

Kiểm soát



TUQ.TỔNG GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC
TT VẬN HÀNH VÀ DỊCH VỤ KH
Lê Chi Hoài Thu